

BÀI HỌC MỘT

a á à

a	ba three	ca sing	la yell	ma ghost	xa far
á	bá cedar	cá fish	lá leaf	má mom	xá salute
à	bà Mrs.	cà tomato	là be	mà but	và and
ca	cà	cá	la	là	lá
ba	bà	bá	na	nà	ná
va	và	vá	ma	mà	má
xa	xà	xá	sa	sà	sá
ta	tà	tá	ga	gà	gá
bà ba		ba bà		ba má	má ba
ba và bà		bà và ba		ba và má	má và ba
ba và bà ca		bà và ba ca		ba và má ca	má và ba ca
na ná		cà rá		cà na	xa xa

dấu sắc

dấu huyền



Ba (Dad) Má (Mom)

d, D đ, Đ

da

skin, leather

da bò

ox skin

da cá

fish skin

da khô

dry skin

dạ

yes

dạ có

yes, there is

dạ rồi

yes, it's done

dạ chưa

not yet

đá

stone, to kick

nước đá

ice

đá gà

cock-fighting

đá banh

soccer

**Bảo vâng, gọi dạ con ơi,
Vâng lời sau trước, con thời mới nên.**

**Anh em như thể tay chân,
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.**

Xa mặt cách lòng.

Đội đá, vá trời.



đá banh

nh

nha sĩ

dentist

nha tá

dental assistant

nhà

house

nhà bà

grandma's house

nhà bà Bá

Mrs. Bá's house

nhà bà ở xa

Grandma's house is far

nhà bà Bá ở xa

Mrs. Bá's house is far



nhà

Làm xong chưa?

Have you finished yet?

Polite answers:

Impolite Forms"

Dạ xong

Xong

Dạ chưa

Chưa

Dạ rồi

Rồi

Grammar

Má		Ca
Mom		sings
Subject	+	Verb

Má	có	cá		
Mom	has	fish		
Subject	+	Verb	+	Object

Grammar

Affirmative Sentence

Like in English grammar, an affirmative sentence consists of a subject, a verb (at least) and objects in most sentences.

Exercises: Use the formulas above in the following sentences by replacing

1. Má with Bà, Ba, Bà Ba or Ba Bà.

2. Replace cá with cà, gà, đá

Conversation

I

- Chào Bà.
- Chào Bà Ba.
- Bà có cá không?
- Dạ có.
- Bà Ba có cà không?
- Dạ có.
- Bà có đá (nước đá) không?
- Dạ có.

II

- Chào Bà.
- Chào Bà Ba.
- Nhà Bà ở xa không?
- Dạ ở xa.
- Nhà Bà Bá ở xa không?
- Dạ ở xa.

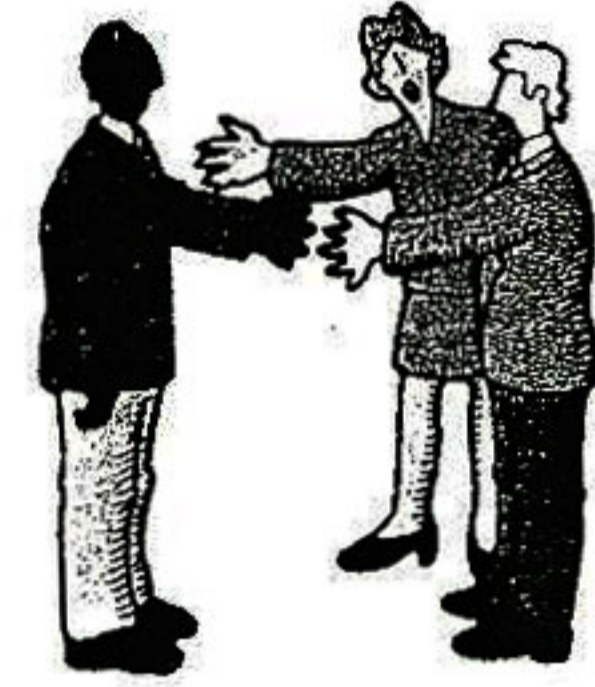
Greetings

Chào

Ông	Mr.	
Bà	Mrs.	
Cô	Miss	
Anh	Mr.	
Chị	Mrs.	
Em	Miss	

Formal greetings

Less formal and more intimate greetings



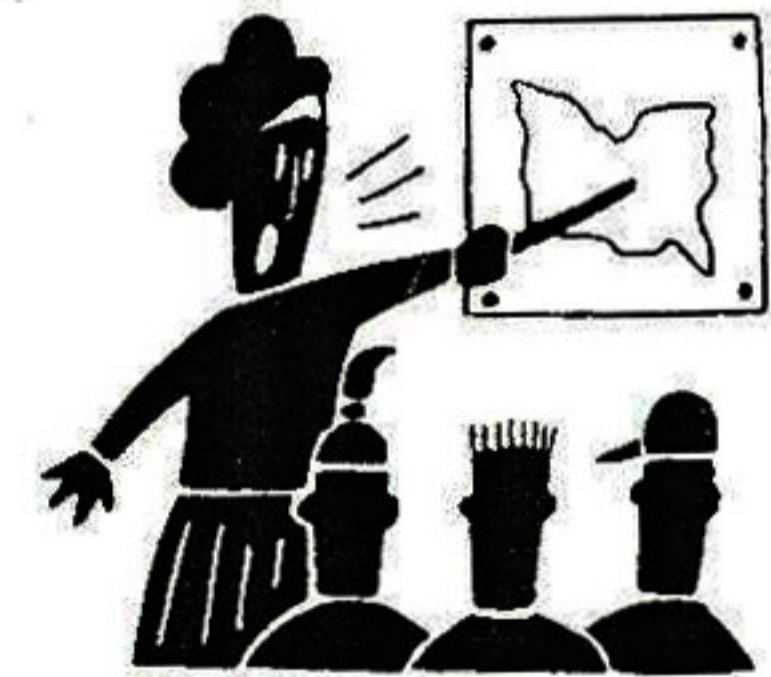
Chào

Quý Ông	
Quý Bà	
Quý Cô	
Quý Vị	
Các Anh	
Các Chị	
Các Em	

- Quý and Các used to address to more than one person.

- Quý indicates more respect than Các.

- Quý vị includes all genders.



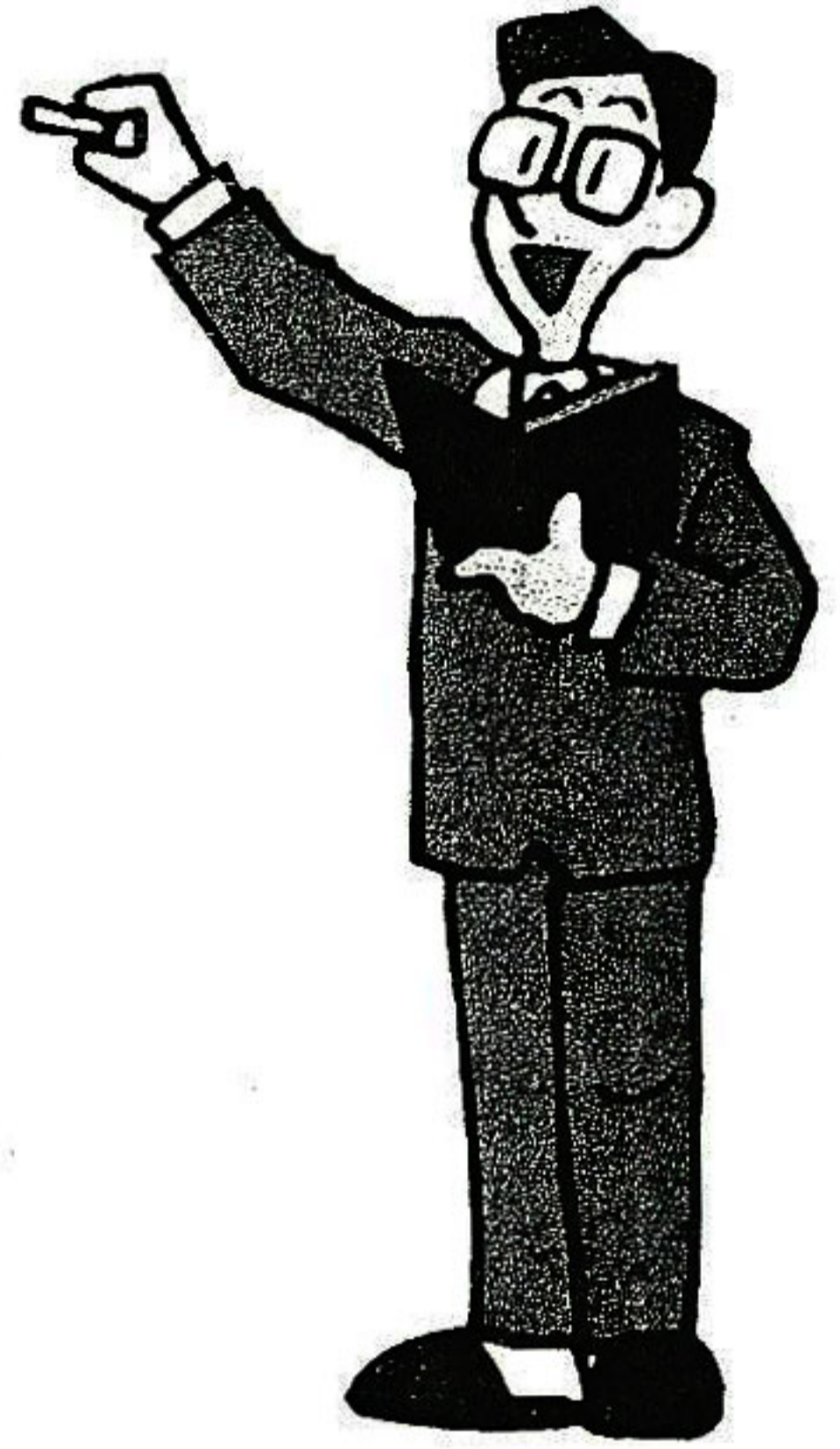
Chào

Bác Sĩ (Doctor / M.D.)	
Ông / Bà Giám Đốc (Mr. / Mrs. The Director)	
Hiệu Trưởng (Mr. / Mrs. / Miss The Principal)	
Ông Giáo/ Bà Giáo / Cô giáo (Teacher)	
Cha (Catholic priest)	
Mục Sư (Christian pastor)	
Thầy (Buddhist monk)	



Conversation, Address Salutation in a Letter

- Thư →
- Ông
 - Quý Ông
 - Bà
 - Quý Bà
 - Ông Bà
 - Quý Vị



Em thân mến

Các em thân mến



Grammar

1. For respect in greetings, titles are used instead of names.

Example

-Chào Bà

-Chào Bác Sĩ. Đây là dì tôi.

-Chào Dì.

2. Introduce a person by using “Đây là” which means “This is.”

Exercise

Replace Bác sĩ, Dì tôi with other words such as “Ông Kỹ sư” and “Chị tôi.”

- Chào Mục sư. Đây là _____.

- Chào _____, Đây là _____.

3. Chào (quý vị) (quý ông) is used in speaking.

4. Thưa (quý vị), (quý ông) is used more in writing or in addressing to the audience in a speech.

Example

Thưa Quý vị,

Xin mời Quý vị đến họp tại trường Coastline ngày 1 tháng sáu, 2002 lúc 8 giờ sáng.